

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 9 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 2586/TTr-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 91/BC-HĐND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 với tổng số tiền là 491.940.000.000 đồng (bốn trăm chín mươi một tỷ, chín trăm bốn mươi triệu đồng), cụ thể:

- Các địa phương: 344.448.000.000 đồng;
- Các công trình nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh: 98.388.000.000 đồng;
- Các chương trình, chuyên đề, các nhiệm vụ đột xuất phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt: 49.104.000.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) thông qua ngày 23 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Bình Thuận;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (CTHĐ.08) Duy

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh

PHỤ LỤC:
Kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 23 tháng 8 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	<u>TỔNG SỐ</u>	491.940	
A	Phân bổ cho địa phương	344.448	
I	Kế hoạch vốn cho 2 huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	66.240	Huyện Tánh Linh và huyện Hàm Tân
II	Kế hoạch vốn cho các địa phương	278.208	
1	Tuy Phong	41.400	
-	Vĩnh Hảo	1.656	
-	Chí Công	8.280	
-	Phước Thê	1.656	
-	Bình Thạnh	1.656	
-	Hòa Minh	1.656	
-	Phong Phú	8.280	
-	Phú Lạc	8.280	
-	Phan Dũng	8.280	
-	Vĩnh Tân	1.656	
2	Bắc Bình	72.864	
-	Hồng Thái	1.656	
-	Phan Rí Thành	1.656	
-	Hải Ninh	1.656	
-	Phan Hòa	1.656	
-	Phan Hiệp	1.656	
-	Phan Thanh	1.656	
-	Phan Điền	8.280	
-	Sông Lũy	1.656	
-	Bình Tân	8.280	
-	Sông Bình	8.280	
-	Hòa Thắng	1.656	
-	Hồng Phong	8.280	
-	Phan Tiến	8.280	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
-	Phan Lâm	8.280	
-	Phan Sơn	8.280	
-	Bình An	1.656	
3	Hàm Thuận Bắc	46.368	
-	Hàm Trí	1.656	
-	Hàm Phú	1.656	
-	Hồng Sơn	1.656	
-	Hàm Chính	1.656	
-	Hàm Liêm	1.656	
-	Hàm Hiệp	1.656	
-	Hàm Thắng	1.656	
-	Hàm Đức	1.656	
-	Thuận Minh	1.656	
-	Hồng Liêm	1.656	
-	Thuận Hòa	4.968	
-	Đông Giang	8.280	
-	Đông Tiến	8.280	
-	La Dạ	0	
-	Đa Mi	8.280	
4	Phan Thiết	6.624	
-	Thiện Nghiệp	1.656	
-	Tiến Thành	1.656	
-	Tiến Lợi	1.656	
-	Phong Năm	1.656	
5	Hàm Thuận Nam	31.464	
-	Tân Thuận	1.656	
-	Hàm Minh	1.656	
-	Hàm Thạnh	1.656	
-	Hàm Mỹ	1.656	
-	Hàm Kiệt	1.656	
-	Mương Mán	1.656	
-	Hàm Cường	1.656	
-	Thuận Quý	1.656	
-	Tân Thành	1.656	
-	Tân Lập	8.280	
-	Hàm Cần	8.280	
-	Mỹ Thạnh	0	
6	La Gi	6.624	
-	Tân Tiến	1.656	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
-	Tân Hải	1.656	
-	Tân Bình	1.656	
-	Tân Phước	1.656	
7	Hàm Tân	16.560	
-	Tân Đức	1.656	
-	Thăng Hải	1.656	
-	Tân Phúc	1.656	
-	Sông Phan	1.656	
-	Tân Hà	1.656	
-	Tân Xuân	1.656	
-	Sơn Mỹ	1.656	
-	Tân Thắng	4.968	
8	Tánh Linh	34.776	
-	Nghị Đức	1.656	
-	Bắc Ruộng	1.656	
-	Gia An	1.656	
-	Đức Phú	1.656	
-	Huy Khiêm	1.656	
-	Đức Bình	1.656	
-	Đức Thuận	1.656	
-	Gia Huynh	8.280	
-	Suối Kiệt	4.968	
-	La Ngâu	0	
-	Măng Tố	8.280	
-	Đồng Kho	1.656	
9	Đức Linh	16.560	
-	Mê Pu	1.656	
-	Sùng Nhơn	1.656	
-	Đức Hạnh	1.656	
-	Nam Chính	1.656	
-	Trà Tân	1.656	
-	Đức Tín	1.656	
-	Vũ Hòa	1.656	
-	Tân Hà	1.656	
-	Đông Hà	1.656	
-	Đa Kai	1.656	
10	Phú Quý	4.968	
-	Long Hải	1.656	
-	Ngũ Phụng	1.656	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
-	Tam Thanh	1.656	
B	Công trình nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	98.388	
	Nâng công suất hệ thống nước Măng Tổ và mở rộng tuyến ống cấp nước các xã Bắc Ruộng và Nghị Đức, huyện Tánh Linh	26.603	
	Nâng cấp nhà máy nước Hàm Thuận Nam và tuyến ống chuyển tải từ hệ thống nước Thuận Nam đến hệ thống nước Tân Thuận	18.011	
	Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Võ Xu và mở rộng tuyến ống xã Nam chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh	26.621	
	Trạm bơm tăng áp và tuyến ống cấp nước xã Sùng Nhơn và Dakai, huyện Đức Linh	27.153	
C	Các chương trình, chuyên đề, các nhiệm vụ đột xuất phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt	49.104	UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua danh mục cụ thể